TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2017/KDTM-ST
Ngày: 21/8/2017
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vòng và bà Nguyễn Thị Ngân Hà.
- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hòa - Thư ký Toà án.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/TLST-KDTM ngày 12 tháng 5 năm 2014 về tranh chấp hợp đồng tín dụng (đã được tạm đình chỉ và có Quyết định tiếp tục giải quyết), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2017/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B;
Đại diện theo pháp luật: Bà Thái H - Tổng giám đốc;
Địa chỉ: Số 117, đường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An;
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D - Tổng giám đốc Công ty TNHH quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP B, theo văn bản uỷ quyền số 20/2014/UQ-TGĐ ngày 16/5/2014 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP B.

Uỷ quyền lại cho ông Lê Duy N - Chuyên viên xử lý nợ thuộc Công ty TNHH quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP B, theo văn bản uỷ quyền số 33/2015/UQ-TGĐ ngày 19/10/2015 của Tổng giám đốc Công ty TNHH quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP B, ông N có mặt tại phiên toà;

Địa chỉ người đại diện theo uỷ quyền: Số 67, đường Nguyễn Thị Đ, phường Tr, quận C, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Thuý Ng, sinh năm 1973;
Địa chỉ: Số 136, đường L, tổ dân phố D, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên toà.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Lương B, sinh năm 1969;
Địa chỉ: Số 136, đường L, tổ dân phố D, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (Ngân hàng TMCP B) trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án trình bày: Bà Lê Thị Thuý Ng là cá nhân có đăng ký kinh doanh (Chủ hộ kinh doanh A, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 29A8001330 do Uỷ ban nhân dân thành phố Đ đăng ký ngày 02/03/2010) có ký Hợp đồng tín dụng số 02/2011/432/HĐTD-BacABank ngày 30/3/2011 với Ngân hàng TMCP B để vay số tiền 1.000.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 30/3/2011; lãi suất 1,75 % / tháng; lãi suất quá hạn B 150% lãi suất trong hạn; thời hạn trả nợ lãi 01 tháng 01 lần; mục đích vay là xây dựng, sửa chữa nhà nghĩ phục vụ kinh doanh.

Để bảo đảm khoản vay, vợ chồng bà Lê Thị Thuý Ng và ông Phan Lương B (ông B uỷ quyền cho bà Ng theo Hợp đồng uỷ quyền số công chứng 24, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGDK ngày 20/01/2009) ký Hợp đồng thế chấp số 02/2011/432/HĐTC-BacABank-CNQB ngày 28/3/2011, do Phòng công chứng số 01 Quảng Bình công chứng số 239, quyển số 02/TP/CC-SCC/HĐGDK ngày 28/3/2011; để thế chấp thửa đất số 473, tờ bản đồ số 12, tại phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 695673, do uỷ ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 08/12/2009 đứng tên bà Lê Thị Thuý Ng và ông Phan Lương B.

Thực hiện hợp đồng tín dụng đã ký kết Ngân hàng TMCP B đã giải ngân cho bà Ng số tiền 1.000.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 30/3/2011. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà Ng đã thực hiện không đúng nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 21/8/2017, bà Ng còn nợ số tiền chưa trả gồm: nợ gốc 880.198.971 đồng và nợ lãi quá hạn 1.493.240.002 đồng, tổng cộng 2.373.438.973 đồng.

Mặc dù ngân hàng đã tạo nhiều điều kiện, gia hạn để bà Ng trả nợ, nhưng bà Ng không thực hiện được việc trả nợ của mình và không hợp tác để xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Vì vậy, Ngân hàng TMCP B khởi kiện với các yêu cầu:

- Buộc bà Lê Thị Thuý Ng thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B, theo Hợp đồng tín dụng số 02/2011/432/HĐTD-BacABank ngày 30/3/2011, số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là nợ gốc 880.198.971 đồng và nợ lãi quá hạn 1.493.240.002 đồng, tổng cộng 2.373.438.973 đồng và các khoản lãi phát sinh cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

- Buộc ông Phan Lương B và bà Lê Thị Thuý Ng thực hiện nghĩa vụ bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 02/2011/432/HĐTC-BacABank-CNQB ngày 28/3/2011, cụ thể trường hợp bà Ng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì xử lý phát mại tài sản bảo đảm tại hợp đồng thế chấp để thanh toán nợ.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán khoản nợ thì bà Ng phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho ngân hàng.

* Bị đơn Lê Thị Thuý Ng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Lương B đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc; không có văn bản gửi Toà án nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP Bắc vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Lê Thị Thuý Ng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Lương B quá trình giải quyết vụ án đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc; không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phiên toà lần thứ nhất và phiên toà lần thứ 2 bà Ng và ông B đã được Toà án tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ kết quả xét xử tại phiên toà và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định: Bà Lê Thị Thuý Ng ký Hợp đồng tín dụng số 02/2011/432/HĐTD-BacABank ngày 30/3/2011 với Ngân hàng TMCP B để vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Để bảo đảm khoản vay, vợ chồng bà Lê Thị Thuý Ng và ông Phan Lương B ký Hợp đồng thế chấp số 02/2011/432/HĐTC-BacABank-CNQB ngày 28/3/2011, để thế chấp tài sản là thửa đất số 473, tờ bản đồ số 12, tại phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 695673, do uỷ ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 08/12/2009 đứng tên bà Lê Thị Thuý Ng và ông Phan Lương B.

[3] Xét hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đã ký kết nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Theo trình bày của đại diện nguyên đơn và các tài liệu có tại hồ sơ thì trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Lê Thị Thuý Ng và ông Phan Lương B đã không thực hiện đúng nội dung hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp về việc trả nợ gốc tiền vay và tiền lãi phát sinh và xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm bà Ng còn nợ Ngân hàng TMCP B số tiền nợ gốc 880.198.971 đồng và nợ lãi quá hạn 1.493.240.002 đồng, tổng cộng 2.373.438.973 đồng, như nội dung khởi kiện của đại diện nguyên đơn trình bày tại phiên toà.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Lê Thị Thuý Ng phải trả khoản tiền vay tổng số tiền 2.373.438.973 đồng (gồm gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm) và tiếp tục trả lãi đối với số tiền nợ gốc cho đến khi thi hành xong; đồng thời yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của bà Ng và ông B để thu hồi nợ là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 91, 92, 93, 122; 124, 342, 343, 344, 348, 349, 350, 351, 355, 357, 388, 389, 401, 402, 405, 407, 471, 715 đến 721 Bộ luật dân sự (năm 2005); Điều 166, 167 Luật đất đai (năm 2013); Điều 3, 4, 90, 91, 95 Luật các tổ

chức tín dụng (năm 2010); Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự (năm 2015); Pháp lệnh về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

- Buộc bà Lê Thị Thuý Ng phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B, số tiền gồm:

+ Số tiền nợ gốc: 888.198.971 đồng;

+ Số tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 21/8/2017 là 1.493.240.002 đồng;

+ Tổng cộng cả gốc và lãi là 2.373.438.973 đồng.

- Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm (21/8/2017) cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất theo thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số 02/2011/432/HĐTD-BacABank ngày 30/3/2011 để trả cho bên được thi hành án, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

- Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bên phải thi hành án bà Lê Thị Thuý Ng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo quyết định của bản án, thì bên được thi hành án Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần B có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp số 02/2011/432/HĐTC-BacABank-CNQB ngày 28/3/2011 để thu hồi nợ theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí:

- Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 26.515.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/04496 ngày 09/5/2014 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ.

- Bị đơn bà Lê Thị Thuý Ng phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 79.468.779 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh QB;
- VKSND TP Đ;
- Chi cục THADS TP Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

- Lưu án.

Nguyễn Thanh Hải